

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 08 - 2024

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Đoàn Thị Liễu**

2/ Bà Hà Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 08 năm 2024. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2024 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 24/09/1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11 ấp 4 xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 111 đường 47, phường T1, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Châu Thiện M, sinh ngày 15/10/1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 246/36 đường M1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/04/2024; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị T và anh M tự nguyện yêu thương rồi chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 176 ngày 24/09/2014. **Sau khi kết hôn hai vợ chồng tôi về sống cùng gia đình bên chồng tại địa chỉ số 246/36 đường**

Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 03/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Tiền Giang sinh sống đến nay.

Lý do xin ly hôn: Do vợ chồng có tiếng nói chung, anh M thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh chị T nhiều lần. **Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh M không còn tình cảm nên không thể hòa hợp và hàn gắn được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.**

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Châu Thiện P, sinh ngày 13/03/2014; Châu Thiện P1, sinh ngày 09/03/2018 và Châu Ngọc Bích P2, sinh ngày 17/03/2019, hiện nay cháu P và P2 đang ở với mẹ, cháu P1 đang ở với cha (anh M). Chị T yêu cầu được nuôi người con chung tên P và P2, giao anh M nuôi người con tên P1. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Châu Thiện M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Châu Thiện M và anh M là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Châu Thiện M không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh M cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu xét xử vắng mặt anh M theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh M.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Châu Thiện M được xác lập trên cơ sở tự nguyện; không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 176 ngày 24/09/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh M không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến tháng 03/2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột tại tỉnh Tiền Giang sinh sống đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng có tiếng nói chung, anh M thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh chị T nhiều lần. Trong thời gian chị T, anh M sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Anh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh M không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị T cũng như chứng cứ do chị T cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Châu Thiện P, sinh ngày 13/03/2014; Châu Thiện P1, sinh ngày 09/03/2018 và Châu Ngọc Bích P2, sinh ngày 17/03/2019. Chị T yêu cầu được nuôi người con chung tên P và P2, giao anh M nuôi người con tên P1. Xét thấy, các cháu đều còn nhỏ, cháu P và P2 sống với mẹ từ nhỏ, cháu P1 sống với cha từ nhỏ nên để không làm thay đổi môi trường sinh sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của của cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao cháu P và P2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. (Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu P cũng mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (chị T) (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng của cháu ngày 25/07/2024), giao anh M tiếp tục nuôi dưỡng người con tên P1. Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh M không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh M có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Châu Thiện M.

2. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con tên Châu Thiện P, sinh ngày 13/03/2014 và Châu Ngọc Bích P2, sinh ngày 17/03/2019. Giao cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Châu Thiện P1, sinh ngày 09/03/2018. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Bích T, anh Châu Thiện M có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Lầm được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004619 ngày 13/05/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận :**

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. Rạch Giá
- Chi cục THA Dân sự TP.Rạch Giá
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thùy Linh